

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 12 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2693 /TTr-SNN ngày 14 tháng 9 năm 2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi đối với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên áp dụng đến hết năm 2030.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi và quản lý nhà nước về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Nguyên tắc xác định mật độ chăn nuôi**

1. Diện tích đất nông nghiệp làm căn cứ để xác định mật độ chăn nuôi bao gồm tổng diện tích các loại đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Mật độ chăn nuôi (ĐVN/ha) của vùng theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, tỉnh Thái Nguyên áp dụng theo vùng trung du miền núi phía Bắc năm 2030 là 1,0.

**Điều 3. Quy định mật độ chăn nuôi**

Căn cứ chiến lược phát triển chăn nuôi của tỉnh, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái, quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 là không quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp, trong đó mật độ chăn nuôi tối đa của từng huyện, thành phố được quy định như sau:

1. Thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên: Mật độ chăn nuôi không quá 0,8 ĐVN/ha đất nông nghiệp.

2. Huyện Phú Bình, huyện Đồng Hỷ, huyện Phú Lương, huyện Đại Từ: Mật độ chăn nuôi không quá 1,0 ĐVN/ha đất nông nghiệp.

3. Huyện Võ Nhai, huyện Định Hóa: Mật độ chăn nuôi không quá 1,2 ĐVN/ha đất nông nghiệp.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện****1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Hướng dẫn, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này ở các địa phương; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi khi cần thiết, theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi theo quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo mật độ chăn nuôi tại Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định diện tích đất nông nghiệp để điều chỉnh mật độ chăn nuôi cho phù hợp; hướng dẫn các chính sách quy định về đất đai cho các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi phù hợp với Quy định này. Định kỳ phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về công tác

bảo vệ môi trường của các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

3. Các Sở, ngành liên quan căn cứ Quyết định này triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn và đề xuất sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi trên địa bàn khi cần thiết theo đúng quy định pháp luật; tuyên truyền quy định mật độ chăn nuôi đến tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan hoạt động chăn nuôi trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Căn cứ quy định về mật độ chăn nuôi và định hướng phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh để định hướng, xây dựng kế hoạch chăn nuôi của địa phương; phối hợp với các ngành chức năng giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư chăn nuôi trên địa bàn theo đúng quy hoạch và mật độ chăn nuôi đã phê duyệt; quản lý hoạt động chăn nuôi theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

d) Chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm có liên quan trên địa bàn theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện hoạt động chăn nuôi trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi

a) Kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 54 Luật Chăn nuôi và Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

b) Thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi; xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**